TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 23-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST - DS ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H (tên gọi khác L), sinh năm 1961; trú tại: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương;

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1978; trú tại: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21 tháng 11 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (ông H) trình bày:*

Ông H và bà Trần Thị H1 có mối quan hệ quen biết. Ngày 05/3/2018 bà H1 có vay ông H số tiền 17.000.000 đồng để lo công việc gia đình. Do là chỗ

quen biết và tin tưởng nên ông H có cho bà H1 vay 17.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà H1 hứa chừng 01 tháng thì trả nợ và lập giấy tay xác nhận nợ ngày 05/3/2018. Giấy xác nhận nợ ngày 05/3/2018 do bà H1 tự viết và tự ký tên. Từ khi vay tiền cho đến nay thì bà H1 vẫn chưa trả nợ cho ông H, ông H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả tiền nhưng bà H1 không thực hiện.

Ngày 21/11/2019, ông H nộp đơn khởi kiện, yêu cầu bà H1 thanh toán số tiền tổng cộng là: 20.400.000 đồng bao gồm nợ gốc là 17.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/3/2019 đến ngày 05/11/2019 là 3.400.000 đồng, trả một lần. Quá trình giải quyết vụ án ngày 22/4/2020 nguyên đơn ông H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, theo đó nguyên đơn ông H xác định chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H1 thanh toán số tiền gốc 17.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì khác.

* ***Bị đơn bà H1:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà H1 tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H1 vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn bà H1. Quá trình xác minh, bị đơn bà H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương và hiện vẫn sinh sống tại địa phương

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)". Căn cứ vào các tài liệu, Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H1 thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo giấy nợ ngày 05/3/2018. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp

đồng dân sự (vay tài sản)". Bị đơn bà Trần Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 27/5/2020 và ngày 23/6/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21/11/2019, ông H nộp đơn khởi kiện, yêu cầu bà H1 thanh toán số tiền tổng cộng là: 20.400.000 đồng bao gồm nợ gốc là 17.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/3/2019 đến ngày 05/11/2019 là 3.400.000 đồng, trả một lần. Quá trình giải quyết vụ án ngày 22/4/2020 nguyên đơn ông H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, theo đó nguyên đơn ông H xác định chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H1 thanh toán số tiền gốc 17.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với bị đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[2] Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà H1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy tay xác nhận nợ ngày 05/3/2018, xác định: Ngày 05/3/2018 bà H1 có vay ông H số tiền 17.000.000 đồng (không ghi rõ thời hạn vay), các bên không có thỏa thuận về tiền lãi.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

Bị đơn không xuất trình được chứng cứ cH minh đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 17.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà H1 phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" của nguyên đơn ông Lê Văn H (tên gọi khác là L) đối với bị đơn bà Trần Thị H1.

Buộc bà Trần Thị H1 thanh toán cho ông Lê Văn H (tên gọi khác là L) số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H (tên gọi khác là L) về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H1 phải trả số tiền lãi 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H1 phải chịu 850.000 đồng (tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032205 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông H, bị đơn bà H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam